

Số 275/BC-VNPD

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số 0101264520 ngày 20/12/2013.
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.024.930.980.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 04.22131580
- Số fax: 04.35527987
- Website: <http://www.vnpd.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): VPD.
- **Quá trình hình thành và phát triển:**

Ngày 03/6/2002, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (Công ty Cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty Cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện. Vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.040.800.000 đồng. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW). Đây là nhà máy được xây dựng từ những năm 1988-1989 nên đã bị xuống cấp nghiêm trọng, hư hỏng nhiều, thiết bị cũ, mòn, lạc hậu, thường xuyên phải ngừng sản xuất

để sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng, Công ty phải đầu tư sửa chữa gần như toàn bộ nhà máy nên mới phát điện trở lại được.

Ngày 19/12/2004, Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW), tổng mức đầu tư dự kiến là 571 tỷ đồng. Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XDCB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009.

Ngày 12/9/2007, Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư là 2.973 tỷ đồng, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013.

Ngày 14/4/2009, Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ – VNPD – HĐQT. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng	Căn cứ
Năm 2002	13.700.000.000		Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập	
2002-2007	408.548.410.000	394.848.410.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập và CBCNV trong ngành điện	Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt ngày 06/6/2007 và 02/7/2007
2008-2010	559.805.130.000	151.256.720.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập và CBCNV trong ngành điện	Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007; Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT

				ngày 28/11/2008; Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010.
Năm 2011	668.200.630.000	108.395.500.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, một số cổ đông hiện hữu và cổ đông mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011
Năm 2012	816.056.610.000	147.855.980.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, EVN và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại góp bổ sung	Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012
Năm 2013	887.170.430.000	71.113.820.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, EVN góp bổ sung	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
Năm 2014	908.064.640.000	20.894.210.000	Chia cổ tức năm 2012 (tỷ lệ 2,5% bằng cổ phiếu)	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013. Công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014 UBCKNN
Năm 2015	999.966.710.000	91.902.070.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (tỷ lệ 2,5%); Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 51/GCN-UBCK ngày 29/07/2015 của UBCKNN
Năm 2016	1.024.930.980.000	24.964.270.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 391/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ

			vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 2,5%)	ngày 23/4/2016. Công văn số 6559/UBCK- QLCB ngày 29/9/2016 UBCKNN
--	--	--	--------------------------------	--

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất, phân phối, bán điện.	3510(chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đầu thầu. - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy điện; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công trình công nghiệp; - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Tư vấn, giám sát thi công xây dựng (Công trình xây dựng điện đến 220 KV); - Tư vấn xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình xây dựng, thủy lợi, giao thông; - Tư vấn lập dự án kinh doanh (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế và tài chính);	7110
3	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất thiết bị điện;	3290
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

	Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;	
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
	Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)	
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
	Chi tiết:	
	- Xây lắp công trình điện;	
	- Xây dựng công trình giao thông;	
7	Đại lý du lịch	7911
	Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ khách du lịch	
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
	Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
	Chi tiết: - Buôn bán vật tư, thiết bị điện, thiết bị tin học;	
10	Giáo dục nghề nghiệp	8532
	Chi tiết: - Đào tạo nghề cơ khí, điện, điện tử tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	
	- Dịch vụ xúc tiến việc làm;	
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
	Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
	Chi tiết: Tư vấn lắp đặt máy móc và thiết bị năng lượng, hướng dẫn vận hành, xử lý sự cố và sửa chữa máy điện;	
	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định của Pháp luật).	

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy và 01 Trung tâm tư vấn thiết kế, cụ thể như sau:
 - Trụ sở văn phòng: Tầng 3 – CT1 Nàng Hương, 583 Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
 - Các chi nhánh:
 - + Trạm thủy điện Nậm Má tại xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
 - + Nhà máy thủy điện Bắc Bình tại xã Phan Lâm – Phan Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- + Nhà máy thủy điện Khe Bô tại xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
- + Trung tâm tư vấn thiết kế: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Nguồn thu của Công ty chủ yếu là nhà máy thủy điện Khe Bô, nhà máy thủy điện Bắc Bình và Trạm thủy điện Nậm Má. Tuy nhiên, do nhà máy thủy điện Bắc Bình là bậc thang dưới của thủy điện Đại Ninh và nhà máy thủy điện Khe Bô là bậc thang dưới thủy điện Bản Vẽ nên phụ thuộc vào lưu lượng nước của 02 nhà máy này.

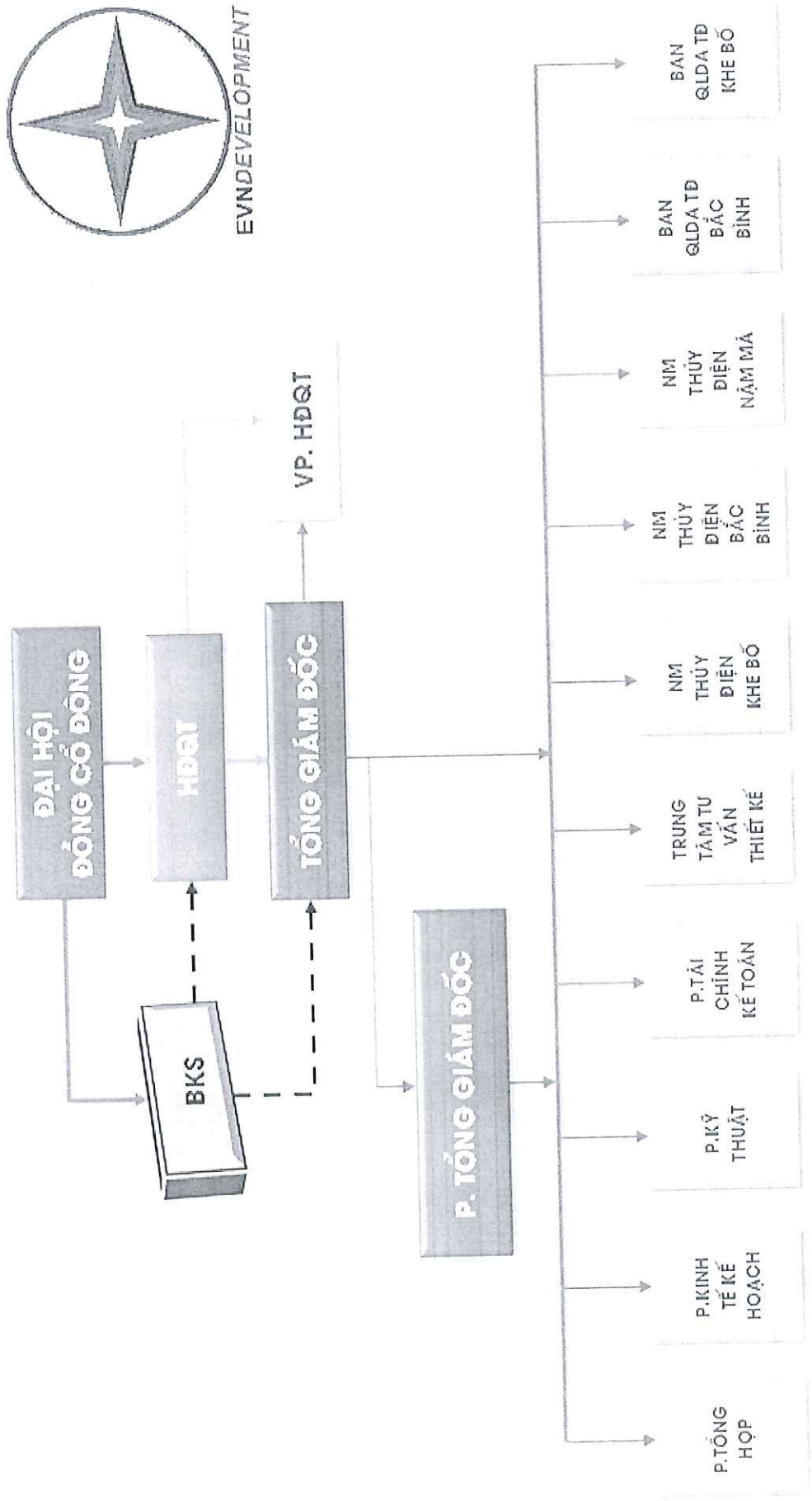
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý bao gồm: Giám đốc nhà máy và Trưởng ban Quản lý dự án. Hội đồng quản trị hiện có 1/5 thành viên hoạt động chuyên trách.
- Tổng Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động trong Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Phó Tổng Giám đốc: Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho TGD trong công tác quản lý nguồn vốn, quản trị kinh doanh, kỹ thuật và các phần việc khác do Tổng Giám đốc giao. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.
- Kế toán trưởng: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính - kế toán tại đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính – kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Thực hiện tốt công tác chào giá điện cạnh tranh của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô;
- Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo mục tiêu nắm bắt và nhận chuyển giao toàn bộ công nghệ từ nhà thầu Trung Quốc, vận hành các tổ máy một cách độc lập, an toàn và liên tục;
- Sửa chữa thường xuyên các tổ máy của các Nhà máy điện.
- Triển khai các ngành nghề được pháp luật cho phép để tăng doanh thu cho Công ty;
- Tìm kiếm đầu tư mới các dự án thủy điện và các dạng năng lượng khác;

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Về chiến lược SXKD và đầu tư:

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn. Tình trạng thiếu điện tại Việt Nam vẫn thường xuyên diễn ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước. Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư các nhà máy điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn tương đối thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: Hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường,... Do đó, Ngành điện trong tương lai gần có rất nhiều triển vọng và cơ hội đầu tư.

Theo Quy hoạch điện VII, nhu cầu điện toàn quốc được dự báo sẽ tăng bình quân gần 10%/năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2020; 7,2-8,1% trong giai đoạn 10 năm tiếp theo. Quá trình rà soát và cập nhật tiềm năng, trữ lượng tài nguyên và khả năng cung cấp nhiên liệu cho phát điện cho thấy, các nguồn điện năng hiện tại sẽ được khai thác tối đa và thiếu hụt so với nhu cầu. Sau năm 2020, Việt Nam sẽ chuyển thành nước nhập khẩu năng lượng lớn và mức độ phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Do đó, một mặt Công ty tiếp tục tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện, mặt khác việc nghiên cứu đầu tư các dự án năng lượng điện sạch như điện mặt trời, điện gió là định hướng trung và dài hạn của Công ty. Hiện nay, điện mặt trời cũng được xác định là một nguồn đáng kể, nhưng hiện chủ yếu mới là dự án thí điểm, không nổi lưới, chưa có dự án thương mại do trở ngại lớn

về giá thành, suất đầu tư lớn và chưa có cơ chế riêng về giá bán điện để thu hút đầu tư trong lĩnh vực này.

Vì vậy để tận dụng mặt bằng hiện có của Thủy điện Bắc Bình. Trong chiến lược trung và dài hạn, Công ty sẽ nghiên cứu lập Báo cáo đầu tư nhà máy năng lượng mặt trời để xem xét tính khả thi. Trường hợp có hiệu quả kinh tế, Công ty sẽ báo cáo Đại hội cổ đông để xin phép triển khai đầu tư.

- Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:

Hiện nay giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện ở mức 1.622,01 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,7 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu hoàn thiện quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng.

Năm 2016 Công ty đã trình Tổng Cục Năng lượng hiệu chỉnh lại điện lượng bình quân nhiều năm của Nhà máy thủy điện Khe Bô do ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa. Sau khi được Tổng cục Năng lượng phê duyệt, Công ty sẽ đề nghị EVN, Cục Điều tiết Điện lực, Công ty Mua bán điện đàm phán lại giá điện Nhà máy thủy điện Khe Bô theo thông tư 56/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương.

Giá mua bán điện của NMTĐ Bắc Bình có hiệu lực đến năm 2019. Tuy nhiên, từ đầu năm 2016 NMTĐ Bắc Bình phải vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên sông Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Do ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa và theo đề nghị của Công ty, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11773/BCT-TCNL ngày 07/12/2016 thống nhất giá trị sản lượng trung bình năm (Eo) của NMTĐ Bắc Bình khi vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa là 99,2 triệu kWh. Đồng thời, theo đề nghị của Công ty, Bộ Công Thương đã có văn bản số 830/BCT-ĐTĐL ngày 03/2/2017 về giá điện của nhà máy thủy điện Bắc Bình khi vận hành theo QTLHC trên lưu vực sông Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã có văn bản số 173/VNPD-KTKH+TKKT+KT ngày 24/2/2017 gửi Công ty Mua bán điện đề nghị đàm phán lại giá điện NMTĐ Bắc Bình khi vận hành theo quy trình liên hồ chứa. Dự kiến hai bên sẽ đàm phán xong giá điện NMTĐ Bắc Bình trong tháng 3/2017.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt công tác đền bù di dân tái định cư công trình thủy điện Khe Bô và Bắc Bình. Đảm bảo đời sống nhân dân tái định cư tại nơi ở mới tốt hơn nơi ở cũ, được chính quyền địa phương của các Nhà máy ghi nhận và đánh giá tốt.

Trong quá trình triển khai dự án thủy điện Khe Bô và Bắc Bình, Công ty đã thực hiện đúng các quy định của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

5. Các rủi ro:

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện, thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Trước sự biến đổi của khí hậu, công việc dự báo thời tiết ngày càng trở nên khó khăn, do đó ảnh hưởng đến công tác dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Việt Nam với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn, có yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro trong ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; khi thì các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt trong mùa khô, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá sức chịu đựng của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.
- Bên cạnh đó, do 02 nhà máy lớn của Công ty là Nhà máy thủy điện Khe Bô và Nhà máy thủy điện Bắc Bình chỉ điều tiết 02 ngày và phụ thuộc vào các nhà máy bậc thang trên là Nhà máy thủy điện Bản Vẽ đối với Nhà máy thủy điện Khe Bô và Nhà máy thủy điện Đại Ninh đối với Nhà máy thủy điện Bắc Bình, do đó việc phát điện không được chủ động đặc biệt khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Thêm vào đó, việc vận hành các Nhà máy còn phụ thuộc vào lệnh điều độ từ Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0), dẫn đến việc chủ động trong công tác phát điện của Công ty còn gặp một số hạn chế nhất định.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2016 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 23/4/2016.

Tình hình thực hiện đến 31/12/2016 so với KH năm 2016 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	% HTKH
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	453.609.320	461.600.627	101,76%
1.1	Nậm Má	kWh	11.000.000	10.858.641	98,71%
1.2	Bắc Bình	kWh	71.099.850	90.808.894	127,72%
1.3	Khe Bô	kWh	371.509.470	359.933.092	96,88%
2	Đầu tư xây dựng	Đồng	132.061.497.600	81.993.492.583	62,09%
2.1	Đầu tư xây dựng các công trình	Đồng	126.911.497.600	81.606.159.399	64,30%

2.2	Đầu tư từ quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	5.150.000.000	387.333.184	7,52%
3	Doanh thu	Đồng	448.237.317.282	450.995.577.845	100,62%
3.1	Doanh thu sản xuất điện	Đồng	446.794.317.282	448.743.607.239	100,44%
3.2	Doanh thu, thu nhập khác	Đồng	1.443.000.000	2.251.970.606	156,06%
4	Chi phí	Đồng	393.674.154.211	393.613.618.744	99,98%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	54.563.163.071	55.987.637.226	102,61%
6	Cổ tức	%	5,0%	5,0%	100,00%

Tình hình thực hiện năm 2016 so với thực hiện năm 2015 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	So sánh (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	433.044.416	461.600.627	106,59
1.1	Nậm Má	kWh	11.858.198	10.858.641	91,57
1.2	Bắc Bình	kWh	77.400.618	90.808.894	117,32
1.3	Khe Bô	kWh	343.785.600	359.933.092	104,70
2	Đầu tư xây dựng	Đồng	167.025.123.279	81.993.492.583	49,09
2.1	Đầu tư xây dựng các công trình	Đồng	166.985.743.279	81.606.159.399	48,87
2.2	Đầu tư từ quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	39.380.000	387.333.184	983,58
3	Doanh thu	Đồng	441.544.378.271	450.995.577.845	102,14
3.1	Doanh thu sản xuất điện	Đồng	439.860.619.947	448.743.607.239	102,02
3.2	Doanh thu, thu nhập khác	Đồng	1.683.758.324	2.251.970.606	133,75
4	Chi phí	Đồng	396.369.834.011	393.613.618.744	99,30
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	43.378.137.691	55.987.637.226	129,07
6	Cổ tức	%	7,50%	5,00%	66,67

Ghi chú: Thực hiện Cổ tức năm 2015 bao gồm cả phần chia thặng dư vốn 2,5%.

1.1 Công tác sản xuất điện:

Năm 2016, các nhà máy vận hành bình thường theo điều độ của Ao và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2016, Công ty sản xuất được 461.600.627 kWh/453.609.320 kWh đạt 101,76% kế hoạch năm. Trong đó:

- Nhà máy Thủy điện Nậm Má: 10.858.641 kWh, đạt 98,71% kế hoạch năm.
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình: 90.808.894 kWh, đạt 127,72% kế hoạch năm.
- Nhà máy Thủy điện Khe Bô: 359.933.092 kWh, đạt 96,88% kế hoạch năm.

Năm 2016 do ảnh hưởng của El Nino gây hạn hán, lượng mưa ít. Nhà máy thủy điện Khe Bô trong các tháng 7,8 và Nhà máy thủy điện Bắc Bình trong các tháng 4, 5, 8, 9 lượng nước về hồ ít nên sản lượng đạt rất thấp so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên, Nhà máy thủy điện Khe Bô có lượng nước về hồ trong 6 tháng đầu năm tốt và Nhà máy

thủy điện Bắc Bình có lượng nước về hồ trong 3 tháng cuối năm tốt nên kế hoạch sản lượng năm 2016 của toàn Công ty đạt 101,76% kế hoạch Đại hội cổ đông giao.

Trong quá trình sản xuất điện, Công ty đã thực hiện tốt công tác tối ưu hóa theo chỉ đạo của Tổng Công ty Phát điện 1. Suất tiêu hao nước và điện tự dùng của các nhà máy đã được Công ty sử dụng tiết kiệm tối đa, nhỏ hơn so với thiết kế.

1.2 Doanh thu:

Doanh thu đến hết năm 2016 Công ty đạt: 450.995.577.845 đồng/448.237.317.282 đồng đạt 100,62% kế hoạch cả năm 2016 trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện: 448.743.607.239 đồng, đạt 100,44%
- Doanh thu và thu nhập khác: 2.251.970.606 đồng, đạt 156,06%

Nguyên nhân hoàn thành kế hoạch doanh thu do trong năm Công ty hoàn thành kế hoạch sản lượng điện thương phẩm.

1.3 Chi phí:

Kế hoạch chi phí năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá trị là 393.674.154.211 đồng. Chi phí năm 2016 của Công ty chủ yếu là khấu hao và lãi vay nên mặc dù Công ty đã tiết kiệm tối đa chi phí SXKD nhưng đến hết năm 2016 Tổng chi phí là: 393.613.618.744 đồng, đạt 99,98% KH cả năm 2016. Từ 01/7/2016, Thuế tài nguyên nước tăng từ 4% lên 5% của giá bán lẻ điện bình quân (Theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015) nên làm tăng chi phí lên 4.953.652.165 đồng. Nếu không tăng khoản chi phí này thì chi phí năm 2016 của Công ty chỉ là 98,73% kế hoạch.

1.4 Lợi nhuận và cổ tức:

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016, Công ty được giao là 54.563.163.071 đồng, đến hết 31/12/2016 lợi nhuận sau thuế đạt 55.987.637.226 đồng, đạt 102,61%.

- Dự kiến năm 2016 Công ty sẽ chia cổ tức 5% bằng tiền mặt, đạt 100% Kế hoạch được giao.

1.5 Công tác quản lý tài chính:

Trong năm 2015 và năm 2016 tình hình sản lượng điện sản xuất và doanh thu sản xuất điện của các Nhà máy không đạt được theo thiết kế do ảnh hưởng của hiện tượng El nino. Để tháo gỡ được khó khăn về tài chính, cân đối được dòng tiền trả nợ, duy trì hoạt động SXKD, Công ty đã tiến hành thực hiện một số các giải pháp về tài chính:

a) *Tái cơ cấu các khoản vay và ưu đãi Thuế TNDN*

➤ Dự án thủy điện Khe Bó:

- Tái cơ cấu khoản vay 247,200 tỷ đồng từ Vietinbank - CN Hà Nội sang BIDV - CN Tây Hồ để giảm lãi suất vay và giảm được áp lực trả nợ gốc 17,2 tỷ đồng hàng năm.

- Tái cơ cấu khoản vay 55,642 tỷ đồng từ VDB - CN Nghệ An sang TPbank - CN Tây Hà Nội với lãi suất thỏa thuận giảm từ 11%/năm xuống còn 8,93%/năm (tại thời điểm tái cơ cấu) và lãi suất hiện tại là 9,48%/năm.

- Thực hiện trả nợ gốc đối với khoản vay áp dụng lãi suất cao trước, lãi suất thấp trả sau tại VDB - CN Nghệ An.

- Làm việc với Tổng cục thuế, Cục thuế Hà Nội và được ưu đãi Thuế TNDN cho Nhà máy thủy điện Khe Bô (miễn hoàn toàn Thuế TNDN năm 2015, 2016 và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo).

➤ **Dự án thủy điện Bắc Bình:**

- Thực hiện tái tài trợ khoản dư nợ vay tại Agribank - CN Nam Hà Nội sang TPbank - CN Tây Hà Nội do đó đã giảm được 29,747 tỷ đồng số tiền trả nợ gốc trong năm 2016.

- Với các giải pháp như trên, trong năm 2016 Công ty đã đảm bảo về tài chính, cân đối được dòng tiền trả nợ và duy trì các hoạt động SXKD.

b) Vay bổ sung khi tăng TMĐT của Dự án thủy điện Khe Bô

Ngày 14/10/2016, Hội đồng Quản trị Công ty có Quyết định số 993/QĐ-VNPD-HĐQT về việc duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 4 Dự án thủy điện Khe Bô với giá trị là 3.309.596,732 triệu đồng (tăng hơn so với Tổng mức đầu tư cũ là 335.640,402 triệu đồng).

Để bù đắp phần vốn còn thiếu hụt khi tăng TMĐT phục vụ hoàn thành cho Dự án, Công ty đã làm việc với các Ngân hàng để thực hiện vay bổ sung. Hầu hết các Ngân hàng đều từ chối do khi tính toán khả năng trả nợ thì Dự án sẽ mất cân đối vào các năm 2018 đến năm 2020, chỉ duy nhất có Ngân hàng TMCP An Bình - CN Quảng Ninh (ABB) đồng ý cho Công ty vay.

Sau khi thẩm tra, ngày 05/11/2016, Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh đã có Thông báo tín dụng số 0511/TBTD.ABB-16 V/v: Cấp hạn mức vay vốn tại TPbank phục vụ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô với hạn mức tối đa là 160 tỷ đồng.

Được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện ký kết Hợp đồng tín dụng số 5471/16/TD-TT/X.4 với ABB – Chi nhánh Quảng Ninh, đến ngày 28/02/2017 đã thực hiện giải ngân thanh toán cho các Nhà thầu là 75,605 tỷ đồng.

1.6 Công tác phát hành và chào bán cổ phiếu năm 2016:

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 2,5% cho các cổ đông hiện hữu và được UBCKNN thông qua tại công văn số 7231/UBCK-QLCB ngày 31/10/2016 với kết quả cụ thể như sau:

- Số cổ phiếu đã phân phối: 2.496.427 cổ phiếu
- Số cổ đông được phân phối: 6.668 cổ đông
- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
- Tổng số cổ phiếu hiện tại: 102.493.098 cổ phiếu, trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 102.493.098 cổ phiếu
 - + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

1.7 Công tác lưu ký và niêm yết cổ phiếu:

Ngày 21/03/2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán (VSD) đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 21/2016/GCNCP - VSD cho Công ty với mã chứng khoán là VPD. Ngày 30/03/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 200/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn UPCOM từ ngày 12/4/2016.

Do đặc thù của Công ty có số lượng cổ đông nhỏ lẻ lớn và nằm rải rác tại các vùng, miền khác nhau, do đó trong giai đoạn đầu số lượng cổ đông lưu ký chứng khoán chưa nhiều. Để đảm bảo quyền lợi và thuận tiện cho các cổ đông chưa lưu ký tập trung, Công ty đã ký kết hợp đồng ủy quyền quản lý cổ đông chưa tái lưu ký với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác quản lý cổ đông được tập trung và thuận tiện cho cổ đông trong công tác giao dịch, tại ĐHCĐ thường niên năm 2017, Công ty sẽ đề nghị các cổ đông nhanh chóng lưu ký tại các công ty chứng khoán. Việc quản lý các cổ đông chưa tái lưu ký còn lại sẽ được quản lý tập trung tại Văn phòng Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- 1/. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Tổng Giám đốc
- 2/. Bà Nguyễn Bích Liên - Phó Tổng Giám đốc tài chính (Nghỉ hưu từ 01/02/2016)
- 3/. Ông Phạm Đình Lê - Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật
- 4/. Ông Nguyễn Tùng Phương - Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành:

❖ Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Số CMND: 011372396 do CA Hà Nội cấp 31/5/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1962
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39, tổ 01, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: A2, lô 5, khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thủy điện
- Quá trình công tác *(nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)*:
 - + Tháng 10/1986 đến tháng 7/2002: Công tác tại Đoàn thiết kế 1 – Công ty Tư vấn xây dựng điện 1, làm Tổ trưởng tổ thiết kế thi công và dự toán, phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Đại Thị (sau đổi tên là Tuyên Quang) giai đoạn tiền khả thi, Chủ nhiệm đề án thiết kế thủy điện Nale (sau đổi tên là Bắc Hà).
 - + Từ tháng 7/2002 đến tháng 11/2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, làm Phó phòng kỹ thuật.
 - + Từ tháng 11/2002 đến tháng 2/2004: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Trưởng phòng kỹ thuật.
 - + Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Phó Trưởng ban quản lý dự án thủy điện 1, phó bí thư chi bộ.
 - + Từ tháng 02/2008 đến tháng 4/2012: Làm Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - + Từ tháng 4/2012 đến nay: Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 18.779.922 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 301.383 cổ phần, chiếm 0,294% Vốn Điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và thù lao HĐQT

❖ **Bà Nguyễn Bích Liên**

- Số CMND: 012987955 do CA Hà Nội cấp ngày 18/8/2007
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1961
- Nơi sinh: Bệnh viện Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- + Từ 1984-1988: Kế toán viên-Sở Điện lực Hà Nam Ninh.
- + Từ 1989-1995: Kế toán tổng hợp-Sở Điện lực Hà Nam Ninh.
- + Từ 1995-1996: Phó phòng Kế toán-Điện lực Nam Hà
- + Từ 1997-tháng 10/2004: Trưởng phòng Tài chính kế toán Điện lực Hà Nam
- + Từ 11/2004-tháng 3/2007: Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- + Từ tháng 3/2007 đến tháng 6/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- + Từ tháng 6/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam.
- + Từ ngày 01/02/2016: Nghỉ hưu theo chế độ.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 33.054 cổ phần, chiếm 0,032% vốn điều lệ.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp.

❖ Ông Phạm Đình Lê

- Họ và tên: PHẠM ĐÌNH LÊ
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1978
- Số CMND: 030078000112 cấp ngày 09/9/2014; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P405, N1 Chung cư Z157, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình
- Quá trình công tác:

- + Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
- + Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
- + Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1
- + Từ tháng 01/3/2007 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
- + Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- + Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- + Từ 31/10/2013 – 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- + Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 205 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn Điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Phó TGĐ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

❖ **Ông Nguyễn Tùng Phương**

- Số CMND: 001077003431 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/11/2014
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/3/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Lao – Hoài Đức – Hà Tây (Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Phố Yên Bình – phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131577
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 9/1999 - 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.

- + Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATE I.
- + Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
- + Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán VNPD.
- + Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán VNPD.
- + Từ 01/2014-7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán VNPD.
- + Từ 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng VNPD
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2016, Bà Nguyễn Bích Liên – Phó Tổng Giám đốc Công ty đã nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/02/2016.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi Doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như thực hiện các chính sách thu hút, tuyển dụng lao động giỏi, có trình độ, tay nghề cao lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược Doanh nghiệp.

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, tổng số CBCNV toàn Công ty là: 135 lao động, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó					
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Bảo vệ tạp vụ (Bộ phận khoán)
1	Văn phòng Công ty	43	6	28	2	0	4	3
2	Trạm thủy điện Nậm Má	14	0	5	6	2	0	1
3	Ban QLDA thủy điện Khe Bô	2	0	2	0	0	0	0
4	Nhà máy thủy điện Khe Bô	43	0	18	20	3	2	0

5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	33	0	15	10	5	0	3
	Tổng cộng:	135	6	68	38	10	6	7

2.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty luôn chấp hành đúng các chính sách và quy định của Nhà nước, pháp luật về việc quản lý và sử dụng lao động.

- Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động cũng như thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn và theo dõi công tác an toàn lao động tại nơi sản xuất.

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

- Công ty thường xuyên tổ chức và cử cán bộ đi học tập các khóa đào tạo ngắn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức, nghiệp vụ và tay nghề.

Chi tiết xem tại mục 6.5 phần II

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Công tác đầu tư, thực hiện dự án trong năm:

Các nhà máy của VNPD đã đi vào vận hành phát điện thương mại, nên năm 2016 Công ty chủ yếu tập trung quyết toán các hạng mục đã hoàn thành và tiếp tục thực hiện công tác đầu tư xây dựng một số hạng mục còn lại. Do tình hình vốn tự có của Công ty năm 2016 còn hạn chế, do đó để đảm bảo dòng tiền phục vụ trả nợ ngân hàng, trả cổ tức cho cổ đông và các chi phí SXKD, nên Công ty chỉ đầu tư những hạng mục thiết yếu. Các hạng mục đầu tư xây dựng khác được Công ty điều chuyển sang kế hoạch năm 2017. Tổng giá trị ĐTXD các công trình trong năm 2016 toàn Công ty đạt 81,606 tỷ đồng. Cụ thể thực hiện như sau:

a) Nhà máy thủy điện Bắc Bình:

- Hạng mục khu nhà ở và làm việc của CBCNV đã hoàn thành đưa vào sử dụng, HĐQT đã phê duyệt dự toán hoàn thành tại quyết định số 893/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 13/9/2016. Tư vấn kiểm toán đang tiến hành kiểm tra hồ sơ Quyết toán.

- Hạng mục Đường lên TĐA và xuống Cửa lấy nước: Công ty đã lập xong HSMT và đã tổ chức đấu thầu, ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng đã ký kết, bắt đầu thực hiện thi công từ tháng 03/2017.

b) Nhà máy thủy điện Khe Bó:

Công tác thi công các hạng mục còn lại:

Năm 2016 dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó tập trung thi công các hạng còn lại. Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng đạt 44,456 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Xử lý sạt trượt vai trái, mái Trạm phân phối: Đã hoàn thành công tác xử lý sạt trượt vai trái. Tuy nhiên trong mùa mưa lại phát sinh thêm sạt lở mái Trạm phân phối, VNPD đã yêu cầu nhà thầu thực hiện và đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành.

- Xử lý sạt lở bờ phải: VNPD đã trình HĐQT, tuy nhiên HĐQT đã thống nhất hạng mục này sẽ thực hiện trong năm 2017.

- Khu nhà điều hành và ở CBCNV nhà máy: Hiện tại VNPD đã hoàn thành công tác phê duyệt thiết kế. Đang tiến hành công tác đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu thi công.

- Công tác mua sắm và lắp đặt thiết bị xưởng cơ khí phục vụ vận hành: VNPD đang tiến hành đấu thầu rộng rãi để lựa chọn đơn vị thực hiện.

- Bổ sung xử lý so lệch 2 móc cầu 17,5T cầu trục chân dê 90T: Đã hoàn thành.

- Nhà làm mát tủ điều khiển & trục vận hành: Đã hoàn thành.

- Công tác xây dựng hạ tầng TĐC:

+ Xử lý sạt trượt đường tránh ngập quốc lộ 7: Đã hoàn thành cơ bản khối lượng thi công nhưng mùa mưa năm 2016 lại tiếp tục bị sạt làm ảnh hưởng đến đường dây 35KV nên phải dừng thi công để di chuyển tuyến đường dây. Theo kế hoạch sẽ hoàn thành trước 30/6/2017.

+ Thi công phần mặt đường vào các khu tái định cư và đường nội vùng: Công ty đã phối hợp với huyện Tương Dương triển khai thi công xong phần mặt các trục đường chính đến các khu tái định cư. Hiện còn các đường nội vùng của các bản đang thi công. Theo kế hoạch sẽ hoàn thành trước 30/4/2017.

Công tác quyết toán:

Tổng giá trị quyết toán trình duyệt các hạng mục đến hết năm 2016 ước đạt: 2.265,66 tỷ đồng. Cụ thể:

- *Phần xây dựng công trình chính:* Giá trị quyết toán các hạng mục phần xây dựng ước đạt: 1.007,576 tỷ đồng. Bao gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: đã hoàn thành công tác quyết toán.

+ Các hạng mục phụ trợ khác: VNPD đang thực hiện trình HĐQT phê duyệt.

- *Phần thiết bị công trình chính:* Giá trị quyết toán các hạng mục phần xây dựng ước đạt: 1.064,952 tỷ đồng. Bao gồm:

+ Các gói thầu gồm: Gói 24-Cung cấp, vận chuyển và lắp đặt 2 MBA chính; Gói 29- Cung cấp vật tư và xây lắp ĐZ 220kV; Gói 19-25: Cung cấp và lắp đặt thiết bị Trạm phân phối; Gói 22-Cung cấp, vận chuyển bảo quản và lắp đặt thiết bị cầu trục gian máy; Gói 28-Cung cấp và lắp đặt hệ thống PCCC: HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết toán.

+ Các gói thầu còn lại gồm: Gói 20, 21: Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Gói 23: Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện các Nhà thầu đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự kiến sẽ trình HĐQT phê duyệt trong quý 2/2017.

- *Hạng mục Bồi thường di dân và TĐC:*

+ Từ 26/4/2016 đến 30/9/2016 do thay đổi nhân sự của huyện Tương Dương, nên không thực hiện được công tác Đền bù & Tái định cư. Từ đầu tháng 10/2016 Công ty đã

thành lập đoàn CBCNV vào làm việc trực tiếp với huyện Tương Dương để phối hợp và đẩy nhanh tiến độ quyết toán.

+ Công tác Bồi thường: Công ty đã phối hợp với các bên hoàn thiện hồ sơ bồi thường và chuyển Tư vấn kiểm toán kiểm tra. Giá trị ước đạt 193 tỷ đồng. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt trong tháng 3/2017.

+ Công tác quyết toán các hạng mục TĐC: Công tác triển khai rất khó khăn do Nhà thầu lập hồ sơ quyết toán chậm. Việc đơn đốc lập hồ sơ quyết toán của Ban QLDA huyện Tương Dương còn hạn chế. Đến nay đã hoàn thành hồ sơ quyết toán 11 hạng mục công trình với giá trị 11,2 tỷ đồng. Tư vấn kiểm toán đang kiểm tra và sẽ trình Hội đồng quản trị phê duyệt trong tháng 3/2017.

c) Mua trụ sở Công ty:

Trong năm 2016, Công ty thực hiện đầu tư mua trụ sở Công ty với giá trị 36,75 tỷ đồng.

3.2. Đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển:

Năm 2016, Công ty chỉ thực hiện đầu tư các hạng mục thiết yếu ảnh hưởng đến công tác sản xuất điện, giá trị công tác đầu tư phát triển là 387.333.184 đồng, đạt 7,52% kế hoạch năm.

3.3. Các Công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	2.877.032.928.256	2.703.753.246.571	-6,02%
Doanh thu thuần	440.635.451.231	448.743.607.239	1,84%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.491.840.637	57.469.565.465	26,33%
Lợi nhuận khác	(317.296.377)	(87.606.364)	-72,39%
Lợi nhuận trước thuế	45.174.544.260	57.381.959.101	27,02%
Lợi nhuận sau thuế	43.378.137.691	55.987.637.226	29,07%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	100,00%	87,31%	-12,69%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,37	0,40	
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,36	0,40	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,62	0,59	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,61	1,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	92,30	106,49	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,15	0,16	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,12	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,05	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,014	0,020	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	0,13	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 102.493.098 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 100% Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 102.493.098 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tính đến 17/10/2016 (thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền gần nhất của Công ty), cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

a) Cổ đông lớn

Tổng số cổ đông lớn: 03 cổ đông, nắm giữ 61.101.900 CP, tương ứng 59,62% vốn cổ phần. Cụ thể:

CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	SỐ LƯỢNG CP	Tỷ lệ
Tổng công ty Phát điện 1	5701662152	37,559,843	36.65%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	0303898093	12,665,463	12.36%
Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	0800296853	10,876,594	10.61%

b) Cổ đông nhà nước

Tổng số cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, nắm giữ 37.559.843 CP, tương ứng 36,65% vốn cổ phần. Cụ thể là: Tổng Công ty Phát điện 1, địa chỉ: Khu 6, phường Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh.

c) Cổ đông trong nước

Tổng số cổ đông trong nước: 6.999 cổ đông, nắm giữ 102.459.232 cổ phần, chiếm 99,97% tổng số cổ phần, trong đó:

- Tổ chức: 13 cổ đông nắm giữ 64.725.376 cổ phần chiếm 63,15% tổng số cổ phần;

- Cá nhân: 6.986 cổ đông nắm giữ 37.733.856 cổ phần chiếm 36,82% tổng số cổ phần.

d) Cổ đông nước ngoài

Tổng số cổ đông nước ngoài: 02 cổ đông, nắm giữ 33.866 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn cổ phần.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chi tiết xin xem mục 1.6 phần II.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nước. Cụ thể trong năm 2016, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Nguồn cung cấp nước: Hồ chứa Khe Bô-Sông Lam-huyện Tương Dương-tỉnh Nghệ An; hồ chứa Bắc Bình-Sông Lũy-huyện Bắc Bình-tỉnh Bình Thuận; suối Nậm Mả-huyện Vị Xuyên-tỉnh Hà Giang.

- Lượng nước sử dụng/năm:

+ NMTĐ Khe Bô:	$6.464,265 \times 10^6 \text{ m}^3$
+ NMTĐ Bắc Bình:	$447,929 \times 10^6 \text{ m}^3$
+ Trạm TĐ Nậm Mả:	$50,050 \times 10^6 \text{ m}^3$
+ Tổng cộng:	$6.962,244 \times 10^6 \text{ m}^3$

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp/năm:

+ NMTĐ Khe Bô:	$3,752 \times 10^6 \text{ kWh}$
+ NMTĐ Bắc Bình:	$1,045 \times 10^6 \text{ kWh}$
+ Trạm TĐ Nậm Mả:	$0,120 \times 10^6 \text{ kWh}$
+ Tổng cộng:	$4,917 \times 10^6 \text{ kWh}$

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 0

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 0

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 0

6.3. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Xem mục II.6.1.a

b. Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

Ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ....), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, sạch.

Trong năm 2016, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động bình quân trong năm 2016: 136 lao động
- Mức lương trung bình: 16.149.445đ /người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

- Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành một số các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động như: Quy định về an toàn vệ sinh lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định về thực hành tốt 5S. Ngoài ra Công ty còn duy trì hàng năm việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động toàn Công ty, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân và nhân viên vận hành tại các Nhà máy và công trường, thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, phổ biến các quy định về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ....;

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu nhằm khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

c. Hoạt động đào tạo:

Công ty đã bố trí cho CBCNV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do EVN, EVNGENCO1 và một số cơ quan có liên quan tổ chức, cụ thể như sau:

- Lớp đào tạo Nghệ thuật lãnh đạo;
- Lớp đào tạo cán bộ quản lý;
- Lớp đào tạo các kỹ năng mềm
- Tập huấn công tác thực thi văn hóa doanh nghiệp;

- Đào tạo, bồi dưỡng chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội;
- Đào tạo “Quản lý môi trường”;
- Khóa tập huấn pháp luật năm 2016;
- Đào tạo tập huấn về Thị trường phát điện cạnh tranh;
- Lớp đào tạo hệ thống điện Việt Nam và đặc điểm đấu nối các nhà máy điện thuộc Tổng Công ty Phát điện I vào Hệ thống điện Quốc gia;
- Tổ chức huấn luyện an toàn phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão cho CBCNV vận hành của các nhà máy.
- Đào tạo văn bằng 2 hệ thống điện và một số chuyên môn nghiệp vụ khác cho một số CBCNV của nhà máy cho phù hợp với yêu cầu SXKD điện.
- Cử CBCNV tham gia lớp tập huấn cập nhật chế độ kế toán mới, các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương do Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Phát điện I tổ chức ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như cố gắng tham gia các hoạt động của cộng đồng địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Cụ thể trong năm 2016, Công ty đã thực hiện như sau:

- Nộp thuế tài nguyên nước: 32.991.205.054 đ
- Nộp phí dịch vụ môi trường rừng: 8.763.002.560 đ
- Đền bù thiệt hại và TĐC vùng lòng hồ.
- Đền bù thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất.
- Xây dựng các khu Tái định cư.
- Tham gia các hoạt động vì cộng đồng do địa phương tổ chức.
- Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, người nghèo và TTXH năm 2016: 90.397.366 đ trong đó:
 - + Quyết định số 1182/QĐ-VNPD ngày 02/12/2016: 40.500.000 đ
 - + Công đoàn Công ty: 19.500.000 đ
 - + Ủng hộ người nghèo theo Nghị quyết số 30A: 20.000.000 đ
 - + Tương trợ xã hội chuyển Công đoàn EVNGENCO1: 10.397.366 đ

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thực hiện công tác SXKD đến 31/12/2016 so với KH năm 2016 và thực hiện năm 2015:

Chi tiết xem tại mục 1 phần II.

Những tiến bộ của Công ty đạt được:

+ Mặc dù chịu ảnh hưởng của El Nino nhưng với sự cố gắng và nỗ lực của Ban điều hành cũng như toàn bộ CBCNV Công ty, trong năm 2016 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

+ Công ty đã thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch quản lý dòng tiền trung và dài hạn để chủ động trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo dòng tiền của Công ty ổn định.

+ Đã rà soát lại định biên của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ, tuyển dụng một số trưởng ca, điều hành viên giỏi; triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt; tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

+ Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty; hoàn thành xây dựng, rà soát các quy trình vận hành.

+ Triển khai áp dụng hệ thống 5S và KPIs nhằm nâng cao hiệu suất lao động trong Công ty.

+ Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tự thực hiện các công việc các nhà máy có thể làm được, giảm bớt thuê ngoài, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn và hiệu quả.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị; rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy; thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.

+ Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí do Tổng Công ty Phát điện I giao; có các biện pháp giảm tỉ lệ điện tự dùng, điện văn phòng: Sử dụng hệ thống chiếu sáng và thông gió hợp lý, sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện inverter, tắt các thiết bị điện nếu không sử dụng.

+ Công ty đã xây dựng quy chế tiền lương áp dụng trong toàn Công ty gắn với hiệu quả SXKD và năng lực, hiệu quả lao động phát huy tích cực trong sản xuất, cụ thể: Giao kế hoạch lương từng quý ứng với sản lượng, doanh thu đạt được, quy chế lương có quy định về hệ số năng lực, hệ số hiệu quả công việc (chất lượng công việc, thời gian hoàn thành, kỷ luật lao động...).

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản thông qua bảng so sánh sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2015		Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		

A . Tài sản ngắn hạn	149.706.165.831	5,54%	149.953.794.203	5,21%	(247.628.372)	-0,17%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	57.890.769.225	2,14%	51.682.608.595	1,80%	6.208.160.630	12,01%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	89.106.401.391	3,30%	95.732.935.256	3,33%	(6.626.533.865)	-6,92%
IV. Hàng tồn kho	2.317.575.952	0,09%	2.262.929.389	0,08%	54.646.563	2,41%
V. Tài sản ngắn hạn khác	391.419.263	0,01%	275.320.963	0,01%	116.098.300	42,17%
B . Tài sản dài hạn	2.554.047.080.740	94,46%	2.727.079.134.053	94,79%	(173.032.053.313)	-6,34%
I. Tài sản cố định	2.547.492.536.307	94,22%	2.705.570.579.890	94,04%	(158.078.043.583)	-5,84%
II. Tài sản dở dang dài hạn	133.072.326	0,00%	15.550.343.334	0,54%	(15.417.271.008)	-99,14%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	0,07%	1.199.402.628	0,04%	750.597.372	62,58%
IV. Tài sản dài hạn khác	4.471.472.107	0,17%	4.758.808.201	0,17%	(287.336.094)	-6,04%
Tổng cộng Tài sản	2.703.753.246.571	100,00%	2.877.032.928.256	100,00%	(173.279.681.685)	-6,02%

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/Giảm
Tỷ suất đầu tư (TSCĐ/Tổng TS)	0,942	0,940	0,002
Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định (Vốn CSH/TSCĐ)	0,435	0,408	0,027
ROA (LNST/Tổng TS)	0,021	0,015	0,006

Nhận xét:

- Nhận xét chung:

Tổng tài sản của Công ty năm 2016 giảm 173,279 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 6,02% so với năm 2015. Trong đó tài sản dài hạn giảm 173,032 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 6,34%, tài sản ngắn hạn giảm 247,6 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 0,17%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm 158 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 5,84% do trích khấu hao TSCĐ trong năm. Tài sản ngắn hạn năm 2016 giảm không đáng kể so với năm 2015. Trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, thể hiện sự chú trọng của Công ty vào đầu tư, xây dựng các tài sản dài hạn, phù hợp với năng lực sản xuất và định hướng phát triển kinh doanh bền vững của Công ty. Mặt khác, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản phản ánh đúng đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhận xét về hiệu quả sử dụng tài sản:

Nhìn chung, trong năm 2016 Công ty đã sử dụng tài sản một cách hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thông qua một số chỉ tiêu như: Tỷ suất sinh

lời trên tài sản (ROA) năm 2016 tăng lên so với năm 2015, cụ thể năm 2015 đạt 0,015 lần, năm 2016 đạt 0,021 lần; Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định năm 2016 cũng tăng lên so với năm 2015, tuy một bộ phận TSCĐ vẫn được tài trợ bằng nguồn vốn bên ngoài, nhưng tình hình tài chính đã được nâng lên, vững vàng, lành mạnh hơn và giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài.

b) Tình hình nợ phải trả

Phân tích tình hình nợ phải trả thông qua bảng so sánh sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2015		Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
I. Nợ ngắn hạn	371.042.192.826	23,25%	410.196.976.119	23,12%	(39.154.783.293)	-9,55%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	137.871.180.833	8,64%	114.261.181.177	6,44%	23.609.999.656	20,66%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.460.000	0,01%	102.460.000	0,01%	-	0,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.583.542.266	0,54%	4.225.750.714	0,24%	4.357.791.552	103,12%
4. Phải trả người lao động	7.018.744.821	0,44%	3.655.237.034	0,21%	3.363.507.787	92,02%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.977.748.667	0,12%	3.119.543.709	0,18%	(1.141.795.042)	-36,60%
6. Phải trả ngắn hạn khác	16.080.433.370	1,01%	14.821.565.447	0,84%	1.258.867.923	8,49%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	196.418.205.638	12,31%	262.494.716.045	14,80%	(66.076.510.407)	-25,17%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.989.877.231	0,19%	7.516.521.993	0,42%	(4.526.644.762)	-60,22%
II. Nợ dài hạn	1.225.011.814.130	76,75%	1.363.824.670.117	76,88%	(138.812.855.987)	-10,18%
1. Phải trả nội bộ dài hạn	34.717.000.635	2,18%	98.536.822.200	5,55%	(63.819.821.565)	-64,77%
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.190.294.813.495	74,58%	1.265.287.847.917	71,32%	(74.993.034.422)	-5,93%
Tổng Nợ phải trả	1.596.054.006.956	100,00%	1.774.021.646.236	100,00%	(177.967.639.280)	-10,03%

Nhận xét:

-Tổng nợ phải trả năm 2016 giảm 177,967 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 10,03%. Trong đó nợ dài hạn giảm 138,812 tỷ tương ứng tỷ lệ giảm 10,18%, nợ ngắn hạn giảm 39,154 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 9,55%. Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu là do các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 66,076 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 25,17% là do số gốc vay đã trả trong năm.

-Trong năm 2015, Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu. Các khoản nợ phải trả, Công ty đều có khả năng thanh toán trong tương lai.

Số dư các khoản phải trả bằng ngoại tệ của Công ty là nhỏ, do đó ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016, Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm tháo gỡ những khó khăn về tài chính cũng như đổi mới cơ cấu tổ chức, quản lý đảm bảo luôn sát sao với tình hình SXKD và DTXD. Cụ thể:

+ Tổ chức triển khai thi đánh giá chất lượng đối với công nhân vận hành tại các Nhà máy điện nhằm nâng cao tay nghề, củng cố kiến thức cũng như làm cơ sở phân loại, đánh giá lao động để có phương hướng điều chỉnh cho phù hợp.

- Tổ chức triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thủy điện ngắn hạn. Tổ chức các khóa học tập kinh nghiệm quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành.

- Hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của công ty.

-Thực hiện sâu rộng qui tắc ứng xử văn hóa EVNGENCO1, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.

-Triển khai thực hiện tốt 5S từ Công ty đến các đơn vị.

-Tổ chức triển khai áp dụng các phần mềm quản lý cũng như quy trình quản lý mới như BSC, KPI, ERP giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý trong SXKD.

-Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do Tổng Công ty Phát điện I và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.

- Đối với công tác đầu tư xây dựng và công tác quyết toán công trình, trong năm 2016 Công ty đã nỗ lực đẩy nhanh tiến độ DTXD và quyết toán công trình về cơ bản đã hoàn thành so với kế hoạch 2016 đề ra, dự kiến trong năm 2017 sẽ tiếp tục hoàn thiện các hạng mục và phần việc còn lại.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty dự kiến kế hoạch năm 2017 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung KH	Đơn vị	Thực hiện năm 2016	KH năm 2017
----	-------------	--------	--------------------	-------------

1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	461.600.627	511.711.670
	- Thủy điện Nậm Má	kWh	10.858.641	11.000.000
	- Thủy điện Bắc Bình	kWh	90.808.894	93.565.800
	- Thủy điện Khe Bô	kWh	359.933.092	407.145.870
2	Đầu tư xây dựng:	đồng	81.993.492.583	79.650.704.212
3	Doanh thu:	đồng	450.995.577.845	508.726.076.746
	Doanh thu sản xuất điện:	đồng	448.743.607.239	506.966.076.746
	Doanh thu, thu nhập khác:	đồng	2.251.970.606	1.760.000.000
4	Chi phí :	đồng	393.613.618.744	402.769.962.326
5	Sửa chữa lớn	đồng	345.201.111	1.427.004.398
6	Sửa chữa thường xuyên	đồng	908.626.822	1.218.471.500
7	Mua sắm VTTB dự phòng	đồng	470.448.800	568.685.500
8	Lợi nhuận sau thuế:	đồng	55.987.673.226	93.843.667.606
9	Cổ tức	%	5%	8,0%

4.1. Kế hoạch sản xuất điện:

Khi đưa vào khai thác vận hành, Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô đều được vận hành theo Quy trình vận hành đơn hồ chứa được Bộ Công thương phê duyệt. Từ cuối năm 2015 (đối với thủy điện Khe Bô) và đầu năm 2016 (đối với thủy điện Bắc Bình), Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả và Quy trình vận hành liên hồ chứa trên sông Đồng Nai nên cả hai Nhà máy đều phải vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa này. Do có sự ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa, Tổng cục Năng lượng đã có văn bản số 0282/TCNL-TĐ ngày 06/3/2015 về việc đánh giá sự thay đổi giá trị điện lượng trung bình nhiều năm đối với các Nhà máy thủy điện khi vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa và các Nhà máy thủy điện phải giảm mực nước hồ chứa để đón lũ. Vì vậy, sản lượng điện sản xuất của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và NMTĐ Khe Bô đều bị ảnh hưởng giảm nhiều so với điện lượng trung bình nhiều năm khi lập Thiết kế kỹ thuật.

Trên cơ sở đó và xem xét yếu tố thủy văn thực tế, Công ty VNPD đã lập kế hoạch điện lượng thương phẩm năm 2017 của Nhà máy thủy điện Bắc Bình là 93.565.800 kWh, Nhà máy thủy điện Khe Bô là 407.145.870 kWh. Tổng sản lượng điện thương phẩm 3 nhà máy là 511.711.670 kWh.

Kế hoạch điện tự dùng:

Kế hoạch tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng của các Nhà máy năm 2017 cụ thể như sau: Thủy điện Nậm Má: 1,09%; Thủy điện Bắc Bình: 1,47%; Thủy điện Khe Bô: 1,01%.

Suất tiêu hao nhiên liệu/nước, vật liệu phụ:

Kế hoạch suất tiêu hao nước năm 2017 của các nhà máy cụ thể như sau: Thủy điện Khe Bô: 17,4 m³/kWh; Thủy điện Bắc Bình: 6,3 m³/kWh; Thủy điện Nậm Má: 5,1 m³/kWh (TM1), 4 m³/kWh (TM2).

4.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017 toàn Công ty là: 79.650.704.212 đồng. Gồm:

a) *Dự án thủy điện Bắc Bình:*

Tiến hành đầu tư hạng mục Đường vận hành lên TĐA, Cửa lấy nước; Cây xanh và hòn non bộ-Khu nhà máy; Bố trí cây xanh và cảnh quan Nhà máy; Hoàn thiện hệ thống đo đếm điện năng; Đầu tư hệ thống Scada ngăn lộ 171 Đại Ninh-Bắc Bình với giá trị là: 10.324.284.212 đồng.

b) *Dự án thủy điện Khe Bó:*

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở và làm việc của CBCNV nhà máy.
- Xử lý sạt lở bờ phải.
- Gia cố mái sân tiêu năng bờ phải.
- Nạo vét, xử lý hạ thấp mực nước hạ lưu kênh xả Nhà máy. Công việc này đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2016, năm 2017 sẽ tiếp tục thực hiện.
- Thực hiện mua sắm thiết bị xưởng cơ khí phục vụ vận hành
- Thực hiện các công việc còn lại của công tác đền bù, di dân, tái định cư của dự án.
- Tiếp tục triển khai công tác quyết toán và hoàn thành vào năm 2017.

Tổng giá trị ĐTXD là: 56.041.420.000 đồng.

c) *Nghiên cứu dự án đầu tư mới: 4.000.000.000 đồng.*

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2016 phê duyệt thì Công ty phải tìm kiếm 01 dự án điện mới để khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư. Công ty đã triển khai tìm kiếm dự án đã thực hiện khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư dự án sông Luồng. Năm 2017, Công ty tiếp tục nghiên cứu dự án thủy điện sông Luồng.

Theo Quy hoạch điện VII, nhu cầu điện toàn quốc được dự báo sẽ tăng bình quân gần 10%/năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2020; 7,2-8,1% trong giai đoạn 10 năm tiếp theo. Quá trình rà soát và cập nhật tiềm năng, trữ lượng tài nguyên và khả năng cung cấp nhiên liệu cho phát điện cho thấy, các nguồn điện năng hiện tại sẽ được khai thác tối đa và thiếu hụt so với nhu cầu. Sau năm 2020, Việt Nam sẽ chuyển thành nước nhập khẩu năng lượng lớn và mức độ phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Điện mặt trời cũng được xác định là một nguồn đáng kể, nhưng hiện chủ yếu mới là dự án thí điểm, không nối lưới, chưa có dự án thương mại do trở ngại lớn về giá thành, suất đầu tư lớn và chưa có cơ chế riêng về giá bán điện để thu hút đầu tư trong lĩnh vực này.

Theo quy định của Chính phủ, công nghệ điện mặt trời là loại hình năng lượng sạch, nằm trong lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, là công nghệ mới, các đặc thù riêng. Dự thảo về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam do Bộ Công Thương xây dựng, hiện đang được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét. Mức giá 3.150đ/kWh (tương đương 15cents) được đề xuất áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên mái nhà (rooftop solar). Với các dự án điện mặt trời nối lưới khác, dự thảo đề xuất bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án điện mặt trời với giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 1.963,5 đồng/kWh (tương đương 9,35 cents). Giá điện này chỉ áp dụng cho các dự án điện mặt trời nối lưới có hiệu suất của tế bào quang điện (solar cell) lớn hơn 16% và quy mô công suất không quá 100 MW.

Vì vậy để tận dụng mặt bằng hiện có của Thủy điện Bắc Bình. Năm 2017 Công ty sẽ nghiên cứu lập Báo cáo đầu tư nhà máy năng lượng mặt trời để xem xét tính khả thi. Trường hợp có hiệu quả kinh tế, Công ty sẽ báo cáo Đại hội cổ đông để xin phép triển

khai đầu tư. Năm 2017 chi phí cho dự án điện mặt trời với giá trị khoảng 2.000.000.000 đồng.

d) Chuyển trụ sở làm việc của Công ty:

Trong năm 2017 Công ty tiếp tục hoàn thiện trang bị nội thất dự kiến khoảng 5.000.000.000 đồng.

e) Đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển:

Dự kiến năm 2017 công tác đầu tư phát triển là 4.285.000.000 đồng.

4.3. Kế hoạch Doanh thu: 508.726.076.746 đồng. Trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện: 506.966.076.746 đồng.
- Doanh thu, thu nhập khác: 1.760.000.000 đồng.

4.4. Kế hoạch Chi phí năm 2017: 402.769.962.326 đồng

Năm 2017, Công ty sẽ cắt giảm, tiết kiệm tối đa chi phí theo các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí của Tổng Công ty Phát điện I.

a) Kế hoạch Sửa chữa lớn,

Kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2017 Công ty dự kiến là: 1.427.004.398 đồng. Trong đó:

- Thủy điện Nậm Má: Sửa chữa lớn 05 danh mục với giá trị là 1.022.170.074 đồng.
- Thủy điện Bắc Bình: Sửa chữa lớn 05 danh mục với giá trị là 384.834.324 đồng.
- Thủy điện Khe Bô: Sửa chữa lớn 01 danh mục với giá trị là 20.000.000 đồng.

b) Kế hoạch sửa chữa thường xuyên

Kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2017 Công ty dự kiến là: 1.218.471.500 đồng. Trong đó:

- Thủy điện Nậm Má: 200.490.000 đồng.
- Thủy điện Bắc Bình: 499.136.500 đồng.
- Thủy điện Khe Bô: 339.485.000 đồng.
- Văn phòng Công ty: 179.360.000 đồng.

c) Công tác mua sắm vật tư dự phòng:

Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị dự phòng các nhà máy năm 2017 dự kiến là: 568.685.500 đồng. Trong đó:

- Thủy điện Nậm Má: 121.550.000 đồng.
- Thủy điện Bắc Bình: 322.113.000 đồng.
- Thủy điện Khe Bô: 125.022.500 đồng.

d) Lao động - Tiền lương:

➤ Kế hoạch lao động định biên:

- Ban TGD, kế toán trưởng: Ban TGD 02 người, Kế toán trưởng: 01 người.
- Ban Giám đốc các đơn vị: Giám đốc: 02 người, Phó giám đốc: 02 người.
- CBCNV cơ quan Công ty và các đơn vị: 135 người.

➤ Quỹ Tiền lương cho CBCNV và Ban điều hành:

- Quỹ tiền lương cán bộ nhân viên+Ban DH: 26.938.518.423 đồng
- Quỹ tiền thưởng an toàn điện: 3.515.848.891 đồng

➤ Thù lao HĐQT và Ban KS: 1.508.400.000 đồng.

Quỹ tiền lương năm 2017 Công ty đang vận dụng Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính Phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính Phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Hiện nay Chính phủ đã có Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Bộ Lao động TBXH có Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị áp dụng trong tính toán tiền lương năm 2017 khi có hướng dẫn của EVNGENCO1.

4.5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 93.843.667.606 đồng.
- Dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2017: 8,0%.

4.6. Kế hoạch giá bán điện bình quân: Dự kiến giá bán điện bình quân năm 2017: 990,726 đ/kWh.

4.7. Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty từ Upcom sang niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE):

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; tuy nhiên do tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2015 của Công ty không đạt mức 5% theo Quy định niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, do đó Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt phương án đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty trên sàn giao dịch Upcom.

Theo Báo cáo tài chính năm 2016, các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2016 đã đáp ứng đủ các yêu cầu theo Quy định niêm yết trên sàn HOSE, do đó để tăng giá trị thương hiệu Công ty cũng như giá trị cổ phiếu của Công ty trên thị trường, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty từ Upcom sang niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) trong năm 2017.

4.8. Công tác quản lý tài chính:

a) Tình hình vốn tự có đến 01/3/2017:

Đến 01/03/2017, nguồn vốn tự có tại Công ty (tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn) là 37,123 tỷ đồng.

b) Công tác giải ngân đối với Dự án Thủy điện Khe Bó:

Đến thời điểm 28/02/2017, Công ty đã thực hiện giải ngân cho Dự án thủy điện Khe Bó là 2.704,470 tỷ đồng, trong đó:

- Vay ưu đãi VDB: 1.640,000 tỷ đồng.

- Vay thỏa thuận VDB: 66,289 tỷ đồng.
- Vay các Ngân hàng thương mại: 422,412 tỷ đồng, trong đó:
 - + Vay Vietinbank - CN Hà Nội: 52,800 tỷ đồng.
 - + Vay BIDV - CN Tây Hà Nội: 247,200 tỷ đồng.
 - + Vay TPBank - CN Tây Hồ: 46,807 tỷ đồng.
 - + Vay ABB - CN Quảng Ninh: 75,605 tỷ đồng.
- Vốn tự có: 575,769 tỷ đồng.

c) *Nhu cầu vốn cho năm 2017:*

➤ *Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay cho các Ngân hàng:*

Tổng số tiền Công ty phải trả nợ gốc và lãi vay cho các Ngân hàng trong năm 2017 là 336,829 tỷ đồng, trong đó:

- Trả nợ gốc: 218,664 tỷ đồng
 - + Dự án thủy điện Khe Bô: 184,000 tỷ đồng
 - + Dự án thủy điện Bắc Bình: 15,100 tỷ đồng
 - + Vốn vay ngắn hạn phục vụ chi tiêu hoạt động SXKD: 19,564 tỷ đồng
 - Trả nợ lãi vay: 118,165 tỷ đồng
 - + Dự án thủy điện Khe Bô: 111,818 tỷ đồng
 - + Dự án thủy điện Bắc Bình: 5,915 tỷ đồng
 - + Vốn vay ngắn hạn phục vụ chi tiêu hoạt động SXKD: 0,432 tỷ đồng
- *Giải pháp đảm bảo vốn để thanh quyết toán cho các Nhà thầu thi công Dự án thủy điện Khe Bô:*

Hiện nay, Công ty đang gấp rút thực hiện công tác quyết toán cho Dự án, trong đó phần lớn các hạng mục Xây dựng và Thiết bị đã được HĐQT phê duyệt giá trị quyết toán.

Ngày 14/10/2016, Hội đồng Quản trị Công ty có Quyết định số 993/QĐ-VNPD-HĐQT về việc duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 4 với giá trị là 3.309,597 tỷ đồng (giá trị trước Thuế là 3.081,741 tỷ đồng).

Để bù đắp phần vốn còn thiếu hụt khi tăng TMĐT phục vụ hoàn thành cho Dự án và thanh quyết toán cho các Nhà thầu khi giá trị quyết toán đã được phê duyệt, và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty đã thực hiện vay vốn bổ sung với hạn mức 160 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh.

Như vậy, cơ cấu vốn đầu tư cho Dự án theo TMĐT được duyệt với giá trị trước thuế là 3.081,741 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tổng số vốn vay: 2.221,931 tỷ đồng. Trong đó:
- Vay ưu đãi VDB : 1.640,000 tỷ đồng.
 - Vay thỏa thuận VDB: 66,289 tỷ đồng.
 - Vay các Ngân hàng thương mại: 515,642 tỷ đồng, trong đó:
 - + Vay Vietinbank - CN Hà Nội: 52,800 tỷ đồng.
 - + Vay BIDV - CN Tây Hà Nội: 247,200 tỷ đồng.
 - + Vay TPBank - CN Tây Hồ: 55,642 tỷ đồng

- + Vay ABB - CN Quảng Ninh: 160 tỷ đồng.
- Vốn tự có: 859,810 tỷ đồng.

Đến ngày 28/02/2017, Công ty đã thực hiện giải ngân thanh toán cho Dự án là 2.704,470 tỷ đồng.

Như vậy, hạn mức vốn Công ty còn được vay tại các Ngân hàng để đầu tư cho Dự án là 93,230 tỷ đồng.

Dự kiến, tổng giá trị quyết toán của Dự án là 2.923,154 tỷ đồng (giá trị trước thuế), do đó nguồn vốn tự có đối ứng cần thiết đầu tư cho Dự án còn thiếu là 145,018 tỷ đồng, cụ thể:

- | | |
|------------------------------------|------------------------------|
| - Nhu cầu (Dự kiến QT): | 2.923,154 tỷ đồng. |
| - Đã giải ngân và hạn mức vay còn: | 2.797,700 tỷ đồng, trong đó: |
| + Đã giải ngân: | 2.704,470 tỷ đồng. |
| + Hạn mức vay còn lại: | 93,230 tỷ đồng. |
| - Vốn tự có còn thiếu: | 125,454 tỷ đồng. |

Hiện nay, Công ty đã thực hiện đàm phán xong giá mua bán điện của Nhà máy thủy điện Khe Bó với Công ty Mua Bán Điện, đơn giá mua bán điện trong năm 2017 thống nhất với EPTC là 922,36 đồng/kWh, kết quả đàm phán đã trình và đang chờ EVN phê duyệt.

Theo tính toán, dự kiến tổng sản lượng điện sản xuất của toàn Công ty trong năm 2017 đạt 511,711 triệu kWh, với đơn giá bán điện của Thủy điện Khe Bó tạm tính như trên, đơn giá bán điện của Thủy điện Nậm Má và Thủy điện Bắc Bình như năm 2016, thì đến hết 31/12/2017 tiền hiện có tại Công ty dự kiến còn lại là 59,207 tỷ đồng.

Như vậy, với số vốn tự có của năm 2017 còn lại, Công ty còn thiếu khoảng 66,247 tỷ đồng để hoàn thành đầu tư cho Dự án (125,454 tỷ đồng - 59,207 tỷ đồng).

d) Giải pháp đảm bảo vốn tự có:

➤ *Bán văn phòng Công ty hiện tại:*

Trong năm 2016, Công ty đã mua trụ sở mới (đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt). Vì vậy, dự kiến Công ty sẽ bán trụ sở hiện tại để thu hồi vốn và cân đối dòng tiền.

➤ *Bán thủy điện Nậm Má và cổ phần thủy điện Cẩm Sơn:*

- Bán thủy điện Nậm Má đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, năm 2016 phê duyệt.

- Bán cổ phần thủy điện Cẩm Sơn.

4.9. Các biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2017:

Năm 2017 theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Phát điện I, Công ty sẽ tiến hành thực hiện đề án nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và đề án nâng cao năng suất lao động. Một số việc cụ thể như sau:

a) Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống của CBCNV:

- Trong năm 2017-2018 Công ty sẽ nghiên cứu, cơ cấu lại tổ chức của các nhà máy điện, văn phòng Công ty theo hướng quản lý tập trung tại văn phòng Công ty, chuyển đổi dần mô hình nhà máy thành các phân xưởng vận hành nhằm tinh giảm biên chế bộ máy hành chính và hoạt động hiệu quả. Trước mắt trong năm 2017, tiến hành rà soát lại định biên của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để đưa ra khỏi bộ máy các nhân sự làm việc kém hiệu quả và bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ SXKD. Hoàn thiện hệ thống KPIs, qui chế phân phối tiền lương để trả lương đúng người, đúng việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Nghiên cứu các chính sách đãi ngộ đối với lực lượng nòng cốt góp phần thu hút, xây dựng lực lượng lao động chuyên môn, kỹ thuật cao để phát triển Công ty bền vững.

- Tổ chức triển khai thi đánh giá chất lượng đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ làm cơ sở phân loại lao động để có cơ sở rà soát, sắp xếp lại định biên của các phòng, ban Công ty, các đơn vị và đánh giá, trả lương trả thưởng cho phù hợp với kết quả lao động của từng người.

- Tiếp tục triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thủy điện ngắn hạn. Tổ chức các khóa học tập kinh nghiệm quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành.

- Hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của công ty.

- Thực hiện sâu rộng qui tắc ứng xử văn hóa EVNGENCO1, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.

- Triển khai thực hiện tốt 5s từ Công ty đến các đơn vị.

- Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.

b) Đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy phạm vận hành, sửa chữa.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị, đảm bảo các tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bô, Bắc Bình và Nậm Mả luôn luôn sẵn sàng vận hành với khả năng tối ưu.

- Rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy. Thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện tốt công tác chào giá điện của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô.

- Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí do EVNGenco1 giao.

c) Đối với nhiệm vụ ĐTXD:

- Nhà máy Khe Bô:

- + Hoàn thành thi công các hạng mục: Sạt trượt bờ phải và cơ sở hạ tầng TĐC còn lại.
- + Xây dựng trụ sở làm việc và nơi ở cho CBCNV nhà máy.
- + Tập trung hoàn thành công tác quyết toán công trình và các hạng mục Tái định cư đã hoàn thành.

- Nhà máy Bắc Bình: Hoàn thành thi công đường vận hành lên tháp điều áp và xuống cửa nhận nước phun vẩy gia cố mái đá nhà máy.

d) Về việc đàm phán giá bán điện theo chính sách mới:

Năm 2016 Công ty đã trình Tổng Cục Năng lượng hiệu chỉnh lại điện lượng bình quân nhiều năm của Nhà máy thủy điện Khe Bô do ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa. Sau khi được Tổng cục Năng lượng phê duyệt, Công ty sẽ đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Cục Điều tiết Điện lực, Công ty Mua bán điện đàm phán lại giá điện Nhà máy thủy điện Khe Bô theo thông tư 56/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương.

Giá mua bán điện của NMTĐ Bắc Bình có hiệu lực đến năm 2019. Tuy nhiên, từ đầu năm 2016 NMTĐ Bắc Bình phải vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên sông Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Do ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa và theo đề nghị của Công ty, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11773/BCT-TCNL ngày 07/12/2016 thống nhất giá trị sản lượng trung bình năm (Eo) của NMTĐ Bắc Bình khi vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa là 99,2 triệu kWh. Đồng thời, theo đề nghị của Công ty VNPD, Bộ Công Thương đã có văn bản số 830/BCT-ĐTĐL ngày 03/2/2017 về giá điện của nhà máy thủy điện Bắc Bình khi vận hành theo QTLHC trên lưu vực sông Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty VNPD đã có văn bản số 173/VNPD-KTKH+TKKT+KT ngày 24/2/2017 gửi Công ty Mua bán điện đề nghị đàm phán lại giá điện NMTĐ Bắc Bình khi vận hành theo quy trình liên hồ chứa. Dự kiến hai bên sẽ đàm phán xong giá điện NMTĐ Bắc Bình trong tháng 3/2017.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Xem chi tiết tại mục 6 Phần II

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2016, một năm đầy khó khăn đối với Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam do tiếp tục chịu ảnh hưởng của El Nino, lượng nước về các hồ thủy điện rất thấp ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện của Công ty. Tuy nhiên, với sự đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cũng như toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt. Cụ thể là:

- Công tác sản xuất điện: Đến hết ngày 31/12/2016, Công ty sản xuất được 461.600.627 kWh/453.609.320 kWh đạt 101,76% kế hoạch;

- Doanh thu năm 2016 của Công ty đạt 450.995.577.845 đồng/448.237.317.282 đồng đạt 100,62% kế hoạch;

- Lợi nhuận và cổ tức: Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016, Công ty được giao là 54.563.163.071 đồng. Đến 31/12/2016 lợi nhuận sau thuế đạt 55.987.637.226 đồng, đạt 102,61% kế hoạch. Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2016 là 5% bằng tiền mặt, đạt 100% kế hoạch.

- Công tác đầu tư xây dựng: Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện ĐTXD các hạng mục còn lại của 02 dự án và mua trụ sở văn phòng mới với giá trị thực hiện là 81,606 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Năm 2016, mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng khắc phục mọi khó khăn, điều hành linh hoạt, sát sao các mặt hoạt động trong Công ty, giúp Công ty trong năm 2016 đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Ban Tổng Giám đốc luôn báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; bàn bạc trực tiếp hoặc qua điện thoại, email hay bằng văn bản với HĐQT để kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp, thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, các chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong điều kiện kinh tế xã hội năm 2016 với đầy khó khăn, thử thách, khí hậu khắc nghiệt, El Nino gây hạn hán kéo dài..., kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch là một điều rất đáng trân trọng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành Kế hoạch năm 2017 do ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý vận hành các Nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Tiếp tục tìm kiếm 01 dự án thủy điện mới để nghiên cứu đầu tư.
- Nghiên cứu đầu tư 01 dự án năng lượng điện mặt trời.
- Hoàn thiện và chuyển trụ sở văn phòng Công ty.
- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông. Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động gắn bó vì sự phát triển của Công ty.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do ĐHĐCĐ giao.

V. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện

lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		149.706.165.831	149.953.794.203
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	57.890.769.225	51.682.608.595
111	1. Tiền		1.623.736.522	23.945.645.143
112	2. Các khoản tương đương tiền		56.267.032.703	27.736.963.452
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.106.401.391	95.732.935.256
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	41.340.067.292	29.427.919.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	38.554.928.509	56.748.580.942
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	9.211.405.590	9.556.434.628
140	III. Hàng tồn kho	7	2.317.575.952	2.262.929.389
141	1. Hàng tồn kho		2.317.575.952	2.262.929.389
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		391.419.263	275.320.963
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	391.417.013	33.656.860
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.250	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	241.664.103
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.554.047.080.740	2.727.079.134.053
220	I. Tài sản cố định		2.547.492.536.307	2.705.570.579.890
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.543.849.190.971	2.701.881.808.560
222	- Nguyên giá		3.354.083.185.971	3.331.499.313.066
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(810.233.995.000)	(629.617.504.506)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.643.345.336	3.688.771.330
228	- Nguyên giá		4.160.111.334	4.121.558.661
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(516.765.998)	(432.787.331)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		133.072.326	15.550.343.334
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	133.072.326	15.550.343.334
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.950.000.000	1.199.402.628
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.950.000.000	1.950.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(750.597.372)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.471.472.107	4.758.808.201
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	4.471.472.107	4.758.808.201
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.703.753.246.571	2.877.032.928.256

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.596.054.006.956	1.774.021.646.236
310	I. Nợ ngắn hạn		371.042.192.826	410.196.976.119
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	137.871.180.833	114.261.181.177
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		102.460.000	102.460.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.583.542.266	4.225.750.714
314	4. Phải trả người lao động		7.018.744.821	3.655.237.034
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.977.748.667	3.119.543.709
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	16.080.433.370	14.821.565.447
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	196.418.205.638	262.494.716.045
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.989.877.231	7.516.521.993
330	II. Nợ dài hạn		1.225.011.814.130	1.363.824.670.117
335	1. Phải trả nội bộ dài hạn	18	34.717.000.635	98.536.822.200
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	1.190.294.813.495	1.265.287.847.917
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.107.699.239.615	1.103.011.282.020
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.107.699.239.615	1.103.011.282.020
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.024.930.980.000	999.966.710.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.024.930.980.000	999.966.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.963.476.440	27.927.746.440
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.490.730.951	1.454.930.951
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.502.533.333	12.670.770.579
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		64.811.518.891	60.991.124.050
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.823.881.665	17.612.986.359
421b	LNST chưa phân phối năm nay		55.987.637.226	43.378.137.691
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.703.753.246.571	2.877.032.928.256

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	448.743.607.239	440.635.451.231
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		448.743.607.239	440.635.451.231
11	3. Giá vốn hàng bán	22	243.897.044.997	233.115.228.313
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		204.846.562.242	207.520.222.918
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.008.376.970	906.908.778
22	6. Chi phí tài chính	24	121.699.376.147	137.109.996.432
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		121.748.711.472	136.158.220.358
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27.685.997.600	25.825.294.627
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.469.565.465	45.491.840.637
31	9. Thu nhập khác	26	243.593.636	2.018.262
32	10. Chi phí khác	27	331.200.000	319.314.639
40	11. Lợi nhuận khác		(87.606.364)	(317.296.377)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.381.959.101	45.174.544.260
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.394.321.875	1.796.406.569
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>55.987.637.226</u>	<u>43.378.137.691</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	546	423

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		481.705.820.357	480.669.803.268
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(11.569.189.139)	(6.331.521.304)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(29.838.279.768)	(30.600.234.728)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(121.682.310.253)	(142.107.728.195)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(13.549.369.845)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.278.593.466	1.182.909.413
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(92.039.724.749)	(86.795.979.298)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		227.854.909.914	202.467.879.311
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(33.807.389.893)	(85.006.589.339)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		201.000.000	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.913.154.596	1.218.748.979
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.693.235.297)	(78.787.840.360)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	69.632.695.400
33	2. Tiền thu từ di vay		162.666.544.839	404.538.429.728
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(303.736.089.668)	(581.057.449.229)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(48.885.078.848)	(46.256.938.164)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(189.954.623.677)	(153.143.262.265)
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.207.050.940	(29.463.223.314)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.682.608.595	81.145.815.709
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.109.690	16.200
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>57.890.769.225</u>	<u>51.682.608.595</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3 - CT1 - 583 Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng Việt Nam). Năm 2016, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2,5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, tổng số tiền là 24.964.270.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 391/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2016. Do đó, tại ngày 31/12/2016, số vốn góp của Chủ sở hữu Công ty là 1.024.930.980.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, phân phối, bán điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm Tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Việc trích trước Nguyên giá Tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bó được Công ty thực hiện hạch toán và theo dõi trên chỉ tiêu mã số 335 - Phải trả nội bộ dài hạn theo Công văn số 12227/BTC-CDKT ngày 03/09/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc được ghi sổ kế toán trực tiếp tại Văn phòng Công ty và các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh trực tiếp tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả

tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm tại Trung tâm tư vấn thiết kế là chi phí phát sinh tương ứng với khối lượng công việc tư vấn đã cung cấp nhưng chưa được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	66 năm
Phần mềm kế toán và TSCĐ vô hình khác	03 - 10 năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc trích trước Nguyên giá Tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bô được Công ty thực hiện hạch toán và theo dõi trên chỉ tiêu mã số 335 - Phải trả nội bộ dài hạn theo Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03/09/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, thu nhập phát sinh của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được miễn thuế 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo kể từ năm bắt đầu đi vào hoạt động là năm 2009. Năm 2016, thu nhập từ hoạt động kinh doanh của nhà máy tiếp tục được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp như đã nêu ở trên theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với thu nhập phát sinh tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô: Theo Công văn số 68170/CT-HTr ngày 21/10/2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội thì thu nhập tính thuế tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô được miễn thuế trong năm 2015 và 2016, được giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo.

Việc miễn, giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất phổ thông 20%.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	272.278.469	207.988.965
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.351.458.053	23.737.656.178
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	56.267.032.703	27.736.963.452
	57.890.769.225	51.682.608.595

(i) Tại ngày 31/12/2016, khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5%/ năm và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh với lãi suất 4,8%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Mua bán Điện	39.491.480.439	26.817.401.635
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.848.586.853	2.610.518.051
	41.340.067.292	29.427.919.686
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	40.510.783.891	28.442.621.493

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hội đồng bồi thường Huyện Tương Dương ⁽ⁱ⁾	36.735.068.507	-	51.366.202.147	-
- Các đối tượng khác	1.819.860.002	-	5.382.378.795	-
	38.554.928.509	-	56.748.580.942	-

⁽ⁱ⁾ Hội đồng bồi thường Huyện Tương Dương là bên được thực hiện các hạng mục tái định cư dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó. Số dư cuối năm là khoản tiền mà Công ty ứng trước để Hội đồng bồi thường thực hiện đền bù và bồi thường giải phóng mặt bằng theo các Quyết định đền bù của UBND Huyện Tương Dương.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	3.467.105.093	-	3.421.344.798	-
Tạm ứng	695.160.000	-	508.905.013	-
Phải thu khác	5.041.657.712	-	5.626.184.817	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	103.836.210	-	8.613.836	-
- Cho Hội đồng bồi thường Huyện Tương Dương vay tạm thời	4.472.363.000	-	4.472.363.000	-
- Tiền cổ tức đã chuyển cho SSI để trả cho cổ đông	-	-	869.098.602	-
- Tiền cổ tức đã chuyển cho FPTs để trả cho cổ đông	298.774.439	-	-	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa đủ điều kiện khấu trừ	166.684.063	-	134.675.879	-
- Các khoản phải thu khác	7.482.785	-	141.433.500	-
	9.211.405.590	-	9.556.434.628	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	239.685.585	-	162.938.259	-
Công cụ, dụng cụ	258.116.827	-	281.328.090	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.819.773.540	-	1.818.663.040	-
- Dự án Sông Bạc ⁽ⁱ⁾	636.606.492	-	636.606.492	-
- Chi phí của Trung tâm Tư vấn Thiết kế	1.183.167.048	-	1.182.056.548	-
	2.317.575.952	-	2.262.929.389	-

⁽ⁱ⁾ Đây là chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư của Dự án Thủy Điện Sông Bạc. Theo Hợp đồng 06/HĐSB ngày 07/10/2006 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty TNHH Đại Dương về việc bàn giao hồ sơ dự án và thanh toán chi phí đầu tư ban đầu Dự án thủy điện Sông Bạc, Dự án đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Đại Dương với số tiền thanh toán cho chi phí đầu tư ban đầu là 4.000.000.000 VND. Sau khi bàn giao xong hồ sơ dự án, chủ đầu tư mới đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam số tiền 3.200.000.000 VND. Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh từ các năm trước tương ứng với khoản lãi gộp là 424.511.937 VND. Tại thời điểm 31/12/2016, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang còn lại chờ chủ đầu tư chấp nhận thanh toán là 636.606.492 VND.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	22.715.908	10.556.818
- Chi phí khác	368.701.105	23.100.042
	391.417.013	33.656.860
b) Dài hạn		
- Quyền sử dụng đất có thời hạn trả tiền một lần	928.571.920	948.794.900
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	120.440.560	67.310.051
- Phí trả nợ trước hạn ⁽ⁱ⁾	3.358.836.250	3.742.703.250
- Chi phí khác	63.623.377	-
	4.471.472.107	4.758.808.201

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản tiền ghi nhận từ Quý IV năm 2015, Công ty phải trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội do tất toán hợp đồng vay trước thời hạn. Phí trả nợ trước hạn được Công ty phân bổ trong 10 năm, tương ứng với thời gian tính lãi vay phải trả đến năm 2025 theo Hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (hoán đổi cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.641.306.843.793	1.682.616.144.632	7.054.166.422	522.158.219	3.331.499.313.066
- Mua trong năm	-	-	2.979.921.427	35.800.000	3.015.721.427
- Đầu tư XD CB hoàn thành	20.287.665.114	-	-	-	20.287.665.114
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(719.513.636)	-	(719.513.636)
Số dư cuối năm	1.661.594.508.907	1.682.616.144.632	9.314.574.213	557.958.219	3.354.083.185.971
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	259.829.000.836	364.217.465.725	5.186.392.414	384.645.531	629.617.504.506
- Khấu hao trong năm	76.149.676.988	104.364.121.660	740.681.322	81.524.160	181.336.004.130
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(719.513.636)	-	(719.513.636)
Số dư cuối năm	335.978.677.824	468.581.587.385	5.207.560.100	466.169.691	810.233.995.000
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.381.477.842.957	1.318.398.678.907	1.867.774.008	137.512.688	2.701.881.808.560
Tại ngày cuối năm	1.325.615.831.083	1.214.034.557.247	4.107.014.113	91.788.528	2.543.849.190.971

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.533.836.076.793 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.186.637.155 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 98.490.765 VND.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.857.548.229	172.195.842	91.814.590	4.121.558.661
- Mua trong năm	-	38.552.673	-	38.552.673
Số dư cuối năm	3.857.548.229	210.748.515	91.814.590	4.160.111.334
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	287.049.838	70.070.214	75.667.279	432.787.331
- Khấu hao trong năm	47.841.636	19.989.720	16.147.311	83.978.667
Số dư cuối năm	334.891.474	90.059.934	91.814.590	516.765.998
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.570.498.391	102.125.628	16.147.311	3.688.771.330
Tại ngày cuối năm	3.522.656.755	120.688.581	-	3.643.345.336

⁽ⁱ⁾ Quyền sử dụng đất tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được sử dụng để xây dựng Nhà điều hành và Nhà máy thủy điện. Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.522.656.755 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	133.072.326	15.550.343.334
- Nhà điều hành Nhà máy Bắc Bình	-	15.384.033.834
- Dự án Thủy điện Sông Luồng ⁽ⁱ⁾	93.042.826	-
- Công trình khác	40.029.500	166.309.500
	133.072.326	15.550.343.334

⁽ⁱ⁾ Dự án Thủy điện Sông Luồng bắt đầu được triển khai từ cuối năm 2016. Chi phí tập hợp đến thời điểm 31/12/2016 là các chi phí khảo sát ban đầu của Dự án này.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Thủy điện Cẩm Sơn ⁽ⁱ⁾	1.950.000.000	-	1.950.000.000	(750.597.372)
	1.950.000.000	-	1.950.000.000	(750.597.372)

⁽ⁱ⁾ Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn thành lập và hoạt động tại Tỉnh Lạng Sơn, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất điện năng. Tại ngày 31/12/2016, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty đối với khoản đầu tư vào Công ty này là 7,46%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo số dư lớn				
- Tổng Công ty 36	68.320.850.976	68.320.850.976	43.852.468.132	43.852.468.132
- Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	13.473.187.656	13.473.187.656	13.473.191.148	13.473.191.148
- Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC	16.756.318.609	16.756.318.609	16.524.918.330	16.524.918.330
- Phải trả cho các đối tượng khác	39.320.823.592	39.320.823.592	40.410.603.567	40.410.603.567
	137.871.180.833	137.871.180.833	114.261.181.177	114.261.181.177

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	812.330.823	38.625.451.711	39.131.285.945	-	-	-	-	306.496.589	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.664.103	-	1.394.321.875	-	-	-	-	-	1.152.657.772	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	37.958.438	1.167.020.423	313.452.160	-	-	-	-	891.526.701	-
Thuế tài nguyên	-	1.490.018.093	34.902.485.485	32.991.205.054	-	-	-	-	3.401.298.524	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	26.321.372	26.321.372	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.885.443.360	9.709.121.880	8.763.002.560	-	-	-	-	2.831.562.680	-
	241.664.103	4.225.750.714	85.830.722.746	81.231.267.091	-	-	-	-	8.583.542.266	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	269.833.690	203.432.471
- Chi phí thường vận hành an toàn điện	1.371.547.350	2.584.283.146
- Chi phí phải trả khác	336.367.627	331.828.092
	1.977.748.667	3.119.543.709

16. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	34.560.266	20.925.860
Bảo hiểm xã hội	1.577.670	19.895.000
Bảo hiểm y tế	273.672	-
Bảo hiểm thất nghiệp	121.632	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.043.900.130	14.780.744.587
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.810.461.881	13.697.205.229
- Phải trả nợ vay vốn tạm thời của Hội đồng bồi thường tái định cư Huyện Tương Dương	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	233.438.249	83.539.358
	16.080.433.370	14.821.565.447

17. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	17.996.553.274	17.996.553.274	84.980.579.261	89.658.926.897	13.318.205.638	13.318.205.638
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	244.498.162.771	244.498.162.771	152.679.000.000	214.077.162.771	183.100.000.000	183.100.000.000
	262.494.716.045	262.494.716.045	237.659.579.261	303.736.089.668	196.418.205.638	196.418.205.638
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	1.509.786.010.688	1.509.786.010.688	77.685.965.578	214.077.162.771	1.373.394.813.495	1.373.394.813.495
	1.509.786.010.688	1.509.786.010.688	77.685.965.578	214.077.162.771	1.373.394.813.495	1.373.394.813.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(244.498.162.771)	(244.498.162.771)	(152.679.000.000)	(214.077.162.771)	(183.100.000.000)	(183.100.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.265.287.847.917	1.265.287.847.917			1.190.294.813.495	1.190.294.813.495
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:						
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty như sau:						
	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo		31/12/2016	01/01/2016
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	VND	9%	Thế chấp bằng tiền gửi có kỳ hạn		VND	VND
					-	17.996.553.274
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản ⁽¹⁾		13.318.205.638	-
					13.318.205.638	17.996.553.274

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	Thay đổi theo thời kỳ	2016	Thế chấp bằng tài sản ⁽¹⁾	-	44.847.712.679
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	Thay đổi theo thời kỳ	2016	Thế chấp bằng tài sản ⁽¹⁾	-	5.200.856.840
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An				1.049.466.301.476	1.178.394.894.728
+ Hợp đồng số 70/2008/HĐTD và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08/2016/HĐSĐBSTDDĐT-NHPT-NAN	6,9%/năm áp dụng cho số dư và 10,5%/năm áp dụng cho số dư nợ còn lại	2020	Thế chấp bằng tài sản ⁽¹⁾	1.049.466.301.476	1.175.045.301.476
+ Hợp đồng 07/2013/HĐTD ngày 28/02/2013 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung	11%/năm	2020	Thế chấp bằng tài sản ⁽¹⁾	-	3.349.593.252
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Thay đổi theo thời kỳ	2025	Thế chấp ⁽¹⁾	223.200.000.000	241.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội				100.728.512.019	40.142.546.441
+ Hợp đồng 93 -21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN	Thay đổi theo thời kỳ	2025	Thế chấp ⁽¹⁾	44.807.391.725	20.702.429.441
+ Hợp đồng 155-26.11.15/HĐTD/TPBANK.THN	Thay đổi theo thời kỳ	2020	Thế chấp ⁽¹⁾	55.921.120.294	19.440.117.000
				<u>1.373.394.813.495</u>	<u>1.509.786.010.688</u>
				(183.100.000.000)	(244.498.162.771)
				<u>1.190.294.813.495</u>	<u>1.265.287.847.917</u>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

⁽¹⁾ Các khoản vay từ các ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

18. PHẢI TRẢ NỘI BỘ DÀI HẠN

Đây là khoản trích trước của Nhà máy Thủy điện Khe Bô từ năm 2013. Việc hạch toán và theo dõi trên khoản mục này được thực hiện theo Công văn số 12227/BTC-CDKT ngày 03/09/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sẽ được tất toán khi Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô quyết toán chính thức.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	908.064.640.000	50.365.892.000	-	9.840.673.157	74.372.862.210	1.042.644.067.367
Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ⁽¹⁾	69.233.750.000	230.174.440	-	-	-	69.463.924.440
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn	22.668.320.000	(22.668.320.000)	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	43.378.137.691	43.378.137.691
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(45.403.232.000)	(45.403.232.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.285.028.373	(4.285.028.373)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.885.765.478)	(6.885.765.478)
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	(185.850.000)	(185.850.000)
Dùng Quỹ Đầu tư phát triển mua TSCĐ	-	-	1.454.930.951	(1.454.930.951)	-	-
Số dư cuối năm trước	999.966.710.000	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.991.124.050	1.103.011.282.020
Số dư đầu năm nay	999.966.710.000	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.991.124.050	1.103.011.282.020
Tăng vốn trong năm	24.964.270.000	(24.964.270.000)	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	55.987.637.226	55.987.637.226
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(49.998.335.500)	(49.998.335.500)
Trích lập các quỹ	-	-	-	867.562.754	(867.562.754)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.301.344.131)	(1.301.344.131)
Dùng Quỹ Đầu tư phát triển mua TSCĐ	-	-	35.800.000	(35.800.000)	-	-
Số dư cuối năm nay	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	64.811.518.891	1.107.699.239.615

(i) Tăng vốn bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 của Đại Hội đồng cổ đông. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 69.632.695.400 VND, được sử dụng cho:

- + Thanh toán chi phí dự án Thủy điện Khe Bô: 55.000.000.000 VND;
- + Thanh toán chi phí dự án Thủy điện Bắc Bình: 14.463.924.440 VND;
- + Thanh toán các chi phí phát hành vốn: 168.770.960 VND.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 390/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế (1)		43.378.137.691
Lợi nhuận các năm trước để lại (2)		17.612.986.359
Tổng lợi nhuận được phân phối (3)=(1)+(2)	100%	60.991.124.050
Trích khen thưởng, phúc lợi	2%	1.301.344.131
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1%	867.562.754
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 VND)	82%	49.998.335.500
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2,5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần		24.964.270.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Phát điện 1	375.598.430.000	36,64%	366.437.500.000	36,64%
- Công đoàn Điện lực Việt Nam	33.279.820.000	3,25%	32.468.120.000	3,25%
- Công đoàn Điện lực Miền Trung	1.438.160.000	0,14%	1.403.090.000	0,14%
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	108.765.940.000	10,61%	106.113.120.000	10,61%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	126.654.630.000	12,36%	123.565.500.000	12,36%
- Các cổ đông khác	379.194.000.000	37,00%	369.979.380.000	37,00%
Cộng	1.024.930.980.000	100%	999.966.710.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.024.930.980.000	999.966.710.000
- Vốn góp đầu năm	999.966.710.000	908.064.640.000
- Vốn góp tăng trong năm	24.964.270.000	91.902.070.000
- Vốn góp cuối năm	1.024.930.980.000	999.966.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	49.998.335.500	45.403.232.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	49.998.335.500	45.403.232.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	102.493.098	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	102.493.098	99.996.671
- Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	99.996.671
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	102.493.098	99.996.671
- Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	99.996.671
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	13.502.533.333	12.670.770.579
	13.502.533.333	12.670.770.579

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	2.386,43	2.386,43

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	448.743.607.239	439.860.619.947
- Nhà máy Nậm Mả	10.559.773.584	10.435.258.577
- Nhà máy Bắc Bình	71.079.618.771	72.965.498.625
- Nhà máy Khe Bô	367.104.214.884	356.459.862.745
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	774.831.284
- Doanh thu tư vấn giám sát	-	774.831.284
	448.743.607.239	440.635.451.231
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	448.720.389.210	439.829.537.567

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	243.897.044.997	232.374.204.327
- Nhà máy Nậm Mả	5.922.949.704	4.722.442.108
- Nhà máy Bắc Bình	56.294.124.896	52.855.520.210
- Nhà máy Khe Bô	181.679.970.397	174.796.242.009
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	741.023.986
- Giá vốn hoạt động tư vấn giám sát	-	741.023.986
	243.897.044.997	233.115.228.313

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.940.126.970	906.908.778
Cổ tức, lợi nhuận được chia	68.250.000	-
	2.008.376.970	906.908.778

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	121.748.711.472	136.158.220.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối năm	267.139.351	951.776.074
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(750.597.372)	-
Chi phí tài chính khác	434.122.696	-
	121.699.376.147	137.109.996.432

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	622.111.667	796.604.573
Chi phí nhân công	16.732.947.148	15.581.831.998
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	543.150.631	237.565.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.466.411.773	601.303.085
Thuế, phí và lệ phí	66.309.642	58.012.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.657.353.409	2.427.309.333
Chi phí khác bằng tiền	6.597.713.330	6.122.667.095
	27.685.997.600	25.825.294.627

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	201.000.000	-
Các khoản khác	42.593.636	2.018.262
	243.593.636	2.018.262

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	331.200.000	281.520.000
Chi phí khác	-	37.794.639
	331.200.000	319.314.639

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	57.381.959.101	45.174.544.260
Các khoản điều chỉnh tăng	499.275.488	967.823.789
- <i>Lương HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	331.200.000	281.520.000
- <i>Chi phí không được trừ khác</i>	168.075.488	686.303.789
Các khoản điều chỉnh giảm	68.250.000	-
- <i>Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN</i>	68.250.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	57.812.984.589	46.142.368.049
- <i>Thu nhập từ Nhà máy Bắc Bình được giảm 50%</i>	853.136.335	4.850.618.223
- <i>Thu nhập từ Nhà máy Khe Bố được miễn thuế</i>	50.414.807.046	35.551.574.532
- <i>Thu nhập không được hưởng ưu đãi</i>	6.545.041.208	5.740.175.294
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN trên thuế suất phổ thông	11.562.596.918	10.151.320.971
- <i>Giảm 50% thuế TNDN phát sinh tại Nhà máy Bắc Bình</i>	85.313.634	533.568.005
- <i>Miễn thuế TNDN phát sinh tại Nhà máy Khe Bố</i>	10.082.961.409	7.821.346.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.394.321.875	1.796.406.569
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(241.664.103)	11.511.299.173
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(13.549.369.845)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.152.657.772	(241.664.103)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	55.987.637.226	43.378.137.691
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	55.987.637.226	43.378.137.691
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	102.493.098	102.493.098
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	546	423

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.163.739.894	1.113.663.675
Chi phí nhân công	28.418.808.279	25.136.267.501
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	882.323.299	705.332.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.267.408.253	180.477.615.906
Chi phí sửa chữa TSCĐ	963.615.766	845.332.934
Thuế, phí và lệ phí	44.694.398.147	36.491.525.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.042.377.021	5.166.154.465
Chi phí khác bằng tiền	9.151.482.438	8.264.737.254
	271.584.153.097	258.200.628.954

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2016		01/01/2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.890.769.225	-	51.682.608.595	-	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.551.472.882	-	38.984.354.314	-	
Đầu tư dài hạn	1.950.000.000	-	1.950.000.000	(750.597.372)	
	110.392.242.107	-	92.616.962.909	(750.597.372)	

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		1.386.713.019.133	1.527.782.563.962
Phải trả người bán, phải trả khác		153.951.614.203	129.082.746.624
Chi phí phải trả		1.977.748.667	3.119.543.709
		1.542.642.382.003	1.659.984.854.295

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.890.769.225	-	-	57.890.769.225
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.551.472.882	-	-	50.551.472.882
Đầu tư dài hạn	-	1.950.000.000		1.950.000.000
Cộng	108.442.242.107	1.950.000.000	-	110.392.242.107
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.682.608.595	-	-	51.682.608.595
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.984.354.314	-	-	38.984.354.314
Đầu tư dài hạn	-	1.199.402.628	-	1.199.402.628
Cộng	90.666.962.909	1.199.402.628	-	91.866.365.537

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	196.418.205.638	1.057.452.318.747	132.842.494.748	1.386.713.019.133
Phải trả người bán, phải trả khác	153.951.614.203	-	-	153.951.614.203
Chi phí phải trả	1.977.748.667	-	-	1.977.748.667
	352.347.568.508	1.057.452.318.747	132.842.494.748	1.542.642.382.003
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	262.494.716.045	1.096.445.353.169	168.842.494.748	1.527.782.563.962
Phải trả người bán, phải trả khác	129.082.746.624	-	-	129.082.746.624
Chi phí phải trả	3.119.543.709	-	-	3.119.543.709
	394.697.006.378	1.096.445.353.169	168.842.494.748	1.659.984.854.295

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là Tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là Tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện năng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty Mua bán Điện	Cùng Tập đoàn	438.183.833.655	429.425.361.370
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	10.536.555.555	10.404.176.197

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Mua bán điện Việt Nam	Cùng Tập đoàn	39.491.480.439	26.817.401.635
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.019.303.452	1.625.219.858

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	2.110.595.254	2.051.323.100

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nội dung Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty tại địa chỉ <http://vnpd.com.vn>.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng